

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký
tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 590/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Vũ N – sinh năm 1986. Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn M – sinh năm 1986. Địa chỉ: Khóm 9, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2020, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Phạm Vũ N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh M kết hôn năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hiện tại vợ chồng đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Có hai người con chung, cháu Đoàn Thị Hồng N – sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đoàn Anh K – sinh ngày 27/3/2011. Các cháu đang

sống cùng anh chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định tài sản chung chị sẽ tự thỏa thuận với anh M, giữa anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải tại tòa ngày 25/8/2020, anh Đoàn Văn M xác định:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Hôn nhân do anh tự nguyện lựa chọn. Anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Có hai người con chung, cháu Đoàn Thị Hồng N – sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đoàn Anh K – sinh ngày 27/3/2011. Các cháu đang sống cùng anh chị, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định tài sản chung chị sẽ tự thỏa thuận với chị N, giữa anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đoàn Văn M có hộ khẩu thường trú tại khóm 9, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh M, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị N là người khởi kiện, anh M là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị N là nguyên đơn, anh M là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh M vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh có yêu cầu được xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh M theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh M tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 01/11/2006 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật

hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh M và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn, anh M đồng ý ly hôn với chị N. Tại phiên tòa, chị N xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Anh chị có hai người con chung, cháu Đoàn Thị Hồng N – sinh ngày 03/9/2006 và cháu Đoàn Anh K – sinh ngày 27/3/2011, các cháu hiện đang sống cùng anh chị. Anh chị đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu nên cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của các bên cũng như xem xét nguyện vọng của các cháu để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu trong vụ án. Tòa án có ghi nhận nguyện vọng của cháu N, cháu K và các cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị N và hiện chị N cũng là người thường siêng chăm sóc cho các cháu trong gia đình, chị xác định hiện chị có thu nhập từ việc kinh doanh mua bán đủ để đảm bảo cho cuộc sống của các cháu. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị N là có cơ sở và đúng với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[4] Về cấp dưỡng: Chị N xác định không yêu cầu anh M cấp cấp dưỡng đối với cháu N và cháu K, đây là ý chí tự nguyện của chị N nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh M xác định tài sản chung anh chị sẽ tự nguyện thỏa thuận với nhau, giữa hai người không có nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Vũ N về việc ly hôn với anh Đoàn Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung Đoàn Thị Hồng N – sinh ngày 03/9/2006 và Đoàn Anh K – sinh ngày 27/3/2011 cho chị Phạm Vũ N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đoàn Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh Đoàn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Vũ N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị có nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004137 ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Phạm Vũ N không phải nộp tiếp.

Chị Phạm Vũ N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đoàn Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp